

Bài báo nghiên cứu

TU TƯỞNG NHO – PHẬT – ĐẠO DƯỚI TRIỀU ĐẠI NHÀ LÝ TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ *TÁM TRIỀU VUA LÝ* CỦA HOÀNG QUỐC HẢI

Lê Thị Kim Oanh

Trường Đại học công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Thị Kim Oanh – Email: lethikimoanh@iuh.edu.vn

Ngày nhận bài: 21-01-2024; ngày nhận bài sửa: 21-02-2024; ngày duyệt đăng: 22-02-2024

TÓM TẮT

Bài viết này đề cập tư tưởng Nho – Phật – Đạo dưới triều đại nhà Lý trong tiểu thuyết lịch sử Tám triều Vua Lý của Hoàng Quốc Hải. Tác giả đã miêu tả rất chi tiết, sinh động vai trò của ba luồng tư tưởng đạo đức có ảnh hưởng rất lớn trong sự hình thành cấu trúc tư tưởng của văn hóa Đại Việt: Nho - Phật - Đạo. Nhà Lý đã tìm ra những điều ưu việt nhất của ba dòng tư tưởng đạo đức này để làm định hướng căn bản cho việc xây dựng và phát triển xã hội: Xã hội Nho - tâm linh Phật - thiên nhiên Đạo. Nho giáo góp phần tổ chức một xã hội có kỉ cương, trật tự. Phật giáo điều chỉnh con người hiếu hòa, hiếu thiện và từ bỏ lòng tham lam ích kỉ, sân hận cố chấp, để tiến tới giác ngộ. Con người phải tôn trọng quy luật tương sinh, tương khắc của tự nhiên, không chế ngự và can thiệp vào thiên nhiên dẫn đến phá hỏng cân bằng sinh thái. Đó là tinh thần của Đạo. Qua tác phẩm, độc giả không chỉ thấy được những đóng góp của nhà văn trong việc phát triển văn hóa nước nhà mà còn nhận ra ý nghĩa trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc.

Từ khóa: tâm linh Phật; xã hội Nho; Tám triều Vua Lý; Hoàng Quốc Hải; thiên nhiên Đạo

1. Mở đầu

Cho đến nay, *Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải là bộ tiểu thuyết lịch sử có quy mô đồ sộ nhất trong số các tiểu thuyết lịch sử Việt Nam. Với 3509 trang, tác phẩm được xem như một tập đại thành về vương triều nhà Lý từ lúc khởi nghiệp đến khi suy vong.

Để có được tác phẩm, tác giả đã dày công gần hai mươi năm (10/1990-12/2007) sưu tầm tài liệu và hoàn thành với sự kiên nhẫn đáng khâm phục. Ngoài việc tìm tài liệu trong các kho tư liệu lớn, kể cả kho tư liệu đồ sộ của Viện Đông bác cổ do người Pháp để lại, tác giả còn tiếp cận Tổng sử, Minh sử bằng nhiều nguồn khác nhau (mà bằng con đường chính thống ở Việt Nam có hoặc rất hiếm). Đây là nguồn tư liệu không kém phần quan trọng, vì nó là biên niên sử do chính sử quan Trung Quốc ghi chép có từ nghìn năm. Ông còn thường xuyên điền dã, tìm về những địa chỉ trước đây vốn là bãi chiến trường ở vùng biên ải, tham

Cite this article as: Lê Thị Kim Oanh (2024). Taoism – Buddhism – Confucianism in the historical novel, *Eight Dynasties of Ly King* by Hoang Quoc Hai. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(2), 354-362.

vấn các thiên sư, nghiên cứu kinh Phật, tìm hiểu bia cổ, câu đối, hoành phi, khảo cứu dã sử, sưu tầm đồng dao, ca dao, tục ngữ, để tái hiện toàn thể diện mạo xã hội thời Lý, trên cả hai lĩnh vực văn hóa vật chất, tinh thần. Với thái độ nghiêm túc, cẩn trọng, kiên trì, tỉ mỉ trong việc tìm kiếm, xử lý tài liệu, sau hơn hai mươi năm, nhà văn Hoàng Quốc Hải đã cho ra đời hai thiên tiểu thuyết lịch sử hoành tráng: *Bão táp triều Trần* và *Tám triều vua Lý*. Với hai tác phẩm này, ông được coi là một trong những “đại gia” chuyên về mảng đề tài lịch sử. Chính vì vậy, ngay từ khi mới ra đời, tác phẩm đã thu hút sự chú ý, quan tâm của người đọc và giới nghiên cứu, phê bình văn học. Lê Thị Kim Oanh trong bài viết “Nghệ thuật tái hiện lịch sử trong tác phẩm *Tám triều vua Lý*” của Hoàng Quốc Hải từng khẳng định:

Tác phẩm đã phục dựng bức tranh toàn cảnh sinh động về vương triều Lý - triều đại đã xây dựng nền móng cho một nước Đại Việt văn hiến và tự chủ, thời đại huy hoàng bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Bằng nghệ thuật viết tiểu thuyết lịch sử “bậc thầy”, nhà văn đã thể hiện khả năng tái hiện văn hóa – lịch sử Triều Lý trong 216 năm một cách sống động dựa trên nhiều nguồn sử liệu và khả năng nối liền quá khứ với hiện tại. Từ đó rút ra những bài học lịch sử cho hiện tại, làm thức dậy mạnh mẽ hồn thiêng sông núi, khí phách cùng niềm tự hào dân tộc (Le, 2023, p.1258).

Tiểu thuyết *Tám triều vua Lý* không chỉ tái hiện chân thực, sống động các sự kiện lịch sử để nối liền quá khứ với hiện tại mà còn tái hiện nhiều giá trị văn hóa dân tộc từ văn hóa vật chất, đến văn hóa tinh thần. Trong đó, phải kể đến ba dòng tư tưởng: Nho – Phật – Đạo có ảnh hưởng rất lớn trong sự hình thành cấu trúc xã hội phong kiến Đại Việt. Tìm hiểu những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống được tái hiện trong *Tám triều vua Lý*, không chỉ thấy được tài năng, đóng góp của nhà văn mà còn gợi mở nhiều vấn đề có ý nghĩa lí luận cho việc bảo tồn các giá trị văn hóa tinh thần truyền thống qua văn học.

2. Tư tưởng Nho – Phật – Đạo trong Tám triều vua Lý

Trong quá trình phát triển của lịch sử, ba luồng tư tưởng, học thuyết Nho - Phật - Đạo có vai trò quan trọng trong việc phát triển xã hội. Nho giáo tham gia ổn định trật tự xã hội, là cứu cánh cho việc trị quốc của các triều đại phong kiến. Phật giáo cảm hóa con người bằng tình yêu thương, sự từ bi, bác ái. Đạo giáo giữ cân bằng sinh thái trong cái tương sinh, tương khắc của vũ trụ, ngũ hành. Trong hình thức *Tam giáo đồng nguyên*, cả ba tôn giáo này đều hướng tới tính thiện, tính nhân văn và tôn trọng tự nhiên và con người. Ở mỗi dòng đạo, nhà Lý chắt lọc những điều ưu việt nhất để làm định hướng căn bản cho việc xây dựng xã hội: Xã hội Nho - tâm linh Phật - thiên nhiên Đạo. Thấm nhuần quan điểm đó, nhà văn Hoàng Quốc Hải, bằng tài năng sáng tạo trong những trang viết, tái hiện sinh động chân dung cuộc sống và hoạt động xã hội dưới bàn tay trị vì của các vị vua triều Lý mà kim chỉ nam là ba luồng tư tưởng đạo đức Nho - Phật - Đạo.

2.1. Phật giáo trong đời sống xã hội triều Lý

Khoảng cuối thế kỉ II, theo đường biển, các nhà sư Ấn Độ đến Việt Nam, mang theo đạo Phật với màu sắc *Tiểu thừa Nam tông*.

Từ *Buddha* tiếng Phạn đã được chuyển trực tiếp sang tiếng Việt thành Bụt. Bụt như một vị thần, có mặt ở khắp nơi, sẵn sàng xuất hiện cứu người tốt, người yếu thế và trừng trị kẻ xấu. Sang thế kỉ IV - V, lại có thêm luồng Phật giáo *Đại thừa Bắc tông* từ Trung Hoa tràn vào. Chẳng mấy chốc nó thay thế luồng *Nam tông* có từ trước đó. Từ *Buddha* vào tiếng Hán phiên âm thành *Phật đồ*. Người Việt gọi rút gọn thành *Phật*... (Tran, 2012, p.242).

Đạo Phật chuyển tải tư tưởng bình đẳng bác ái, cứu nhân độ thế, giúp con người thoát khổ. Với bản chất dung hòa, đạo Phật gần với tín ngưỡng thờ ông bà, tín ngưỡng thờ Thần của người Việt nên dễ dàng được người Việt chấp nhận.

Ở thời Lý, Phật giáo kết hợp chặt chẽ giữa đạo với đời, trở thành quốc giáo, là công cụ đắc lực cho công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước. Tất cả các hoạt động từ chính trị, xã hội quân sự, ngoại giao, văn hóa đều có sự ảnh hưởng sâu sắc bởi Phật giáo. Thái Tổ Lý Công Uẩn, vị vua khai mở cho triều đại nhà Lý, từng là một chú tiểu thuở nhỏ sống ở chùa Cổ Pháp. Sau này ông được sư Vạn Hạnh ở chùa Lục Tổ nuôi dưỡng. *Chính thiên sư đã khai sáng cho vua Lý Thái Tổ về đạo Phật như sau:*

Đạo Phật là đại từ bi hỉ xả, yêu mình, yêu người quần sinh lợi lạc, không phân biệt sang hèn giàu nghèo trên dưới, đức của nó như nước, đâu đâu cũng thấm nhuần hết. Vì tính thiện, tính từ ái bao trùm, nên có người bảo nó thiếu phần tranh đấu để tiến hóa. Thật ra thì đạo Phật lấy nội lực làm động cơ tiến hóa... (Hoang, 2010a, p.335).

Nhà Lý tôn đạo Phật làm quốc giáo nên việc tổ chức bộ máy nhà nước và chính sách cai trị thể hiện tính dân chủ bình đẳng bác ái, nhân văn trong giáo lí nhà Phật. Cụ thể:

Vừa giữ ngôi nước, Lý Công Uẩn đã bãi bỏ tất cả các hình thức xử tội man rợ của các triều đại trước như: Ném người vào vạc dầu, nhốt tội nhân vào các chuồng hổ, báo cho thú dữ ăn thịt, đẩy tội nhân xuống hầm rắn độc, tuốt xác người bằng các thân cây nửa già đập giập, trói người có tội vào cọc đóng bên mép sông khi nước cạn, chờ khi nước lên ngập, chìm người đó chết dưới nước sâu, hoặc các tội như voi giày, ngựa xé... (Hoang, 2010a, p.22).

Việc thứ hai là:

Cấp tiền gạo cho dân lưu tán, vì không chịu nổi ách áp bức của cường hào, phải bỏ quê hương đi tha phương, cầu thực, nay được trở về quê cũ làm ăn. Việc thứ ba, đại xá tô thuế cho cả nước trong ba năm liền. Việc thứ tư là định ra sáu sắc thuế đánh vào các sản vật quý khai thác từ nguồn lợi của rừng và biển như sừng tê, ngà voi, trầm hương, ngọc trai, đồi mồi, muối. Việc thứ năm là dời kinh đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên đô thành mới là Thăng Long, Thăng Long là thế rồng bay lên (Hoang, 2010a, p.22).

Thật vậy, suốt cả nghìn năm, Đại Việt trải qua nhiều triều đại phong kiến, kinh đô đặt ở Thăng Long đều tồn tại lâu bền. Tuy có lúc mạnh, lúc suy, nơi đây vẫn là mảnh đất địa linh nhân kiệt, là trung tâm văn hóa, chính trị muôn đời với khát vọng phát triển mạnh mẽ và trường tồn với lịch sử. Và đó chính là tầm nhìn xuyên thế kỉ của vị vua khởi nghiệp nhà Lý – Lý Thái Tổ.

Để phát triển kinh tế, mở rộng đất đai, nhà nước khuyến khích nông dân khai hoang vỡ hóa các đất bãi bồi, đất bìa rừng, đất hoang hóa được làm chủ đất ấy và tha tô thuế cho vài năm tùy theo công sức bỏ ra. Trong thời gian trị vì (khoảng 18 năm), Lý Thái Tổ đã ba

lần tha tô thuế cho dân. Chính vì lòng từ bi bác ái, chăm lo cho dân, coi dân như con nên triều đại Lý ở thời kì đầu trở thành một trong những triều đại yên ổn và thịnh trị bậc nhất lịch sử phong kiến Việt Nam.

Để phát triển đạo Phật, các nhà vua chú trọng việc mở mang xây dựng chùa. Mỗi một hương ấp đều có từ một đến vài chùa. Quan điểm về việc xây chùa cũng rất giản dị:

Chùa phải tự dân chúng gom công góp sức, đó phải là công quả thực của mọi người. Chùa không nhất thiết phải xây gạch gỗ nguy nga vàng son chói mắt. Xây những ngôi chùa như thế cho đám tu sĩ mập ú ngồi trong râm mát đọc kinh cả ngày, còn xung quanh là những người dân lam lũ, cơm không đủ no bụng, áo chẳng che kín mình, nổi đời dốt nát một chữ bẻ đôi không biết thì ngôi chùa đó chính là hiện thân của tội ác (Hoang, 2010b, p.150).

Các sư tăng trụ trong các chùa làng, ngoài nhiệm vụ tu trì và hướng dẫn tâm linh cho dân chúng, nhà sư còn kiêm vai trò của một thầy giáo để dạy chữ cho trẻ. Thầy chùa còn kiêm cả thầy thuốc vừa trị bệnh cho dân, vừa hướng dẫn người dân biết sử dụng các loại cây, lá để tự chữa trị các bệnh thông thường. Việc nhà chùa khai trí cho dân lúc này là cần thiết, bởi phần lớn các chức dịch nơi hương thôn và một phần các châu, quận đều không biết chữ. Họ phải lập sổ bộ thuế má và các việc chi thu bằng các cuộn dây thừng, với các nút thắt buộc thay cho các chữ số. Vì vậy nếu nhà nước có mở trường học sẽ gặp khó khăn, vừa không có thầy dạy vừa không có người học. Do đó buổi sơ triều nhà Lý cho lập nhiều chùa làng, và thầy chùa kiêm nhiệm cả ba chức năng là phù hợp với hoàn cảnh xã hội vào thời điểm lịch sử đó.

Không chỉ Lý Thái Tổ coi trọng đạo Phật, mà các thế hệ sau đều thấm nhuần tinh thần hi xả, từ bi, bác ái của đạo Phật. Lý Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, đều chăm lo phát triển kinh tế và chú trọng tinh thần thân dân, gần dân, phát triển tôn giáo, coi đạo Phật là quốc giáo. Lý Thánh Tông là vị vua tài giỏi và là người đứng đầu triều chính rất quyết đoán, nhưng biết lắng nghe và thấu hiểu lòng dân. Ông là người có trí tuệ siêu việt và cũng là một vị vua có lòng nhân ái và tôn trọng nhân phẩm con người một cách kì lạ. Có lần nhà vua xử kiện ở điện Thiên Khánh, khi ấy vào mùa đông trời giá rét, công chúa Động Thiên ngồi hầu bên cạnh, mặc dù đội mũ lông cừu, áo lông chồn, chân đi hài gấm mà mặt mày vẫn tái xám. Vua nhìn con gái nhỏ lòng chạnh nghĩ:

Ta và các con ta ở trong cung cấm ăn uống đầy đủ không thiếu thứ gì. Mặc, thì ngoài gấm vóc ra có cả áo lông cừu, lông chồn, lông cáo, lại còn hài lót gấm, rồi lò sưởi ngự thể mà còn rét thế này. Thử hỏi những người bị giam trong ngục tối, khổ sở về gông cùm, lại chưa biết rõ ngay gian mà cơm ăn không được no bụng, áo mặc chẳng kín mình, gió rét căm căm vẫn phải phơi mặt ra làm quần quật các việc khổ sai nhưng vẫn không tránh khỏi đòn roi của bọn cai ngục phũ phàng, lại cũng có kẻ chết không đáng tội, nghĩ mà xót thương cho những con người bất hạnh (Hoang, 2010c, p163).

Rồi vua khẫu dụ: “Trong khi xử kiện phải tháo gông cùm cho phạm nhân... lập tức phát cho phạm nhân mỗi người một tấm áo, bằng không họ sẽ chết rét trước khi xử xong án” (Hoang, 2010c, p.79). Thông thường, việc xử kiện do thẩm hình viện phụ trách, nhưng sự

việc xét xử nhiều khi oan ức, gây nhà tan cửa nát cho những người dân thấp cổ bé họng, nên Lý Thánh Tông sai lập Đô hộ phủ sĩ sư để xử lại (nay gọi là xử giám đốc thẩm) các vụ án còn gây ngờ vực. Tất cả những việc làm này đều bắt nguồn từ tâm Phật của nhà vua.

Có thể thấy, vẻ đẹp của Phật là vẻ đẹp tự nhiên, rất cao cả nhưng lại rất gần gũi với con người. Phật giáo trong *Tám triều vua Lý*, chính là thứ tôn giáo nhân đạo, cảm hóa con người. Chính nhà Lý đã đưa đạo Phật vào cuộc sống đời thường một cách ngọt ngào, đưa văn hóa Phật giáo hòa trộn vào vẻ đẹp của văn hóa dân tộc một cách tự nhiên nhất. Phật giáo là cơ sở của đạo trị bình triều Lý. Vì vậy đã giải thích vì sao hàng nghìn năm qua, trong mọi bước thăng trầm của lịch sử, Phật giáo luôn đồng hành với dân tộc.

2.2. *Nho giáo trong Tám triều vua Lý*

Nho giáo là học thuyết tư tưởng lớn nhất ở Trung Hoa thời cổ đại và trung đại. Ở đó có sự đóng góp to lớn của hai nhà tư tưởng vĩ đại Chu Công và Khổng Tử. Nho giáo chứa đựng nhiều nội dung về triết học, chính trị, đạo đức, giáo dục, quản lý xã hội, giúp các nhà cầm quyền ổn định trật tự xã hội và điều hành xã hội. Nho giáo chủ trương quyền hành phải thống nhất, tập trung vào Thiên tử, bảo vệ sự chính thống là bảo vệ các vương triều. Theo Trần Văn Giàu:

Có người cho rằng tư tưởng chủ yếu của Nho giáo là đạo, danh, ý này cũng đúng nếu được hiểu rằng “đạo” là những chân lí vĩnh cửu mà cái lỗi là cương thường và nếu hiểu rằng danh (trong khái niệm chính danh) cũng là quân quân thần thần, phụ phụ tử tử, địa vị nào ra địa vị nấy trong cái nghĩa cương thường bất biến làm cơ sở cho trật tự xã hội (Tran, 1998).

Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên. Thời kì đầu, vị thế và vai trò của Nho giáo dưới các triều đại mờ nhạt, không đáng kể. Đến nhà Lý, Nho giáo phát triển mạnh mẽ. Nhà Lý vận dụng tính chất trật tự và kỉ cương của Nho giáo để ổn định và phát triển xã hội, củng cố chế độ phong kiến, duy trì quyền lực, và liên kết gia đình, dòng họ, cá nhân và xã hội, giữ gìn sự phân chia đẳng cấp... mà Phật giáo bình đẳng bác ái từ bị không làm được. Vào thời Lý, Phật giáo tuy được coi là quốc giáo, nhưng chỉ đáp ứng vấn đề tâm linh và tư tưởng tình cảm trong phạm vi gia đình làng xã. Để chế độ tập quyền ổn định và triển khai một cách bài bản, có quy mô lớn thì phải xây dựng một nền văn hóa giáo dục tự chủ độc lập. Vấn đề nâng cao tri thức được đặt ra như một nhiệm vụ hàng đầu. Con đường tuyển dụng quan lại theo lối cũ “nhiệm tương” và “thủ sĩ” đã không đáp ứng yêu cầu mà phải đào tạo, tuyển lựa nhân tài một cách bài bản bằng con đường thi cử. Trên thực tế, giáo lí nhà Phật không đáp ứng nổi yêu cầu này mà chỉ có Nho giáo với hệ thống lí thuyết đầy đủ và chế độ khoa cử minh bạch mới có thể đảm trách nhiệm vụ lịch sử trên. Từ đây, Nho giáo trở thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống chính trị xã hội thời Lý và cả nghìn năm sau này của các triều đại phong kiến Việt nam. Việc làm đầu tiên trong công cuộc phát triển Nho giáo là nhà Lý cho xây dựng Văn Miếu năm 1070, thờ Chu Công, Khổng Tử, tôn vinh hai vị thánh hiền của Nho giáo. Trong *Tám triều vua Lý*, Hoàng Quốc Hải đã dành nhiều trang viết về sự kiện có tính lịch sử này. Trước hết, ở mục đích của việc xây dựng Văn Miếu là nhằm tôn vinh nho học, như lời bình luận của vua Lý Thánh Tông:

Việc lập Văn Miếu thờ Khổng Tử cùng với việc mở trường học ở các bậc cao cũng như trường Quốc tử giám nhằm đào luyện nhân tài có học vấn tinh thần qua thi cử. Rồi đây, các khoa thi Minh kinh sẽ đi vào hạn kì đều đặn năm năm hoặc bảy năm một lần. Đồ khoa Minh kinh mới chỉ là đồ về phân nho học, vẫn phải thi phân Phật – Lão nữa mới là hoàn bị, mới đủ tri thức ra làm quan (Hoang, 2010c, p.886).

Về chế độ học hành, thi cử, năm 1075, nhà Lý mở khoa thi Nho giáo đầu tiên với tên gọi “Thi minh kinh bác học” và “Nho học tam trường”, chính thức khai sinh cho lịch sử thi cử Nho giáo lâu dài ở nước ta:

Về thi cử theo chế độ tam trường, trường nhất thi tại các hương, châu, quận. Phải có từ hai trăm sĩ tử trở lên mới được mở trường thi, dưới số đó phải gom nhiều hương, châu, quận thành một trường thi. Loại này cứ 2 năm thi một kì. Trường nhị thi tại các lộ, cứ 3 năm một kì. Trường tam thi tại kinh sư cứ 5 năm một kì. Đồ trường thứ ba được gọi là Minh kinh bác sĩ và nho học tam trường. Sau khi đồ đạt sẽ được tuyển bổ (Hoang, 2010c, p.861).

Năm 1076, nhà Lý đã cho lập Quốc tử giám ngay giữa kinh thành “Trường mở tại kinh sư thì gọi là trường quốc tử chỉ dành cho các hoàng tử, hoàng tôn đến học, có thể lấy thêm các công tử con các vị đại thần vào học. Trường này đặt ngay cạnh Văn Miếu để các quốc tử sinh noi gương các bậc thánh hiền mà tu chí rèn đức” (Hoang, 2010c, p.861). Cũng từ đây, nền đại học nước ta ra đời. Một nền giáo dục theo Nho giáo, mà con em quý tộc nhà Lý là những người học đầu tiên. Năm 1156, vua Lý Thái Tông cho xây dựng Văn Miếu để thờ riêng Khổng Tử (trước đó, Văn Miếu thờ chung cả Chu Công và Khổng Tử). Điều này nhằm tôn vinh vai trò của hai vị Tổ sư Nho học thành “Thánh hiền” chứ không đơn giản là người Thầy.

2.3. Vai trò của Đạo giáo và quan niệm “Tam giáo đồng nguyên”

Đạo giáo do Lão Tử đề xướng và Trang Tử hoàn thiện để trở thành học thuyết Lão - Trang, mà cơ sở lí luận của nó là Đạo Gia. Theo Trần Ngọc Thêm:

Đạo của Lão tử là khái niệm trừu tượng chỉ cái tự nhiên, cái có sẵn một cách tự nhiên... nó là nguồn gốc của vạn vật. Đức là biểu hiện cụ thể của Đạo trong từng sự vật. Đạo sinh ra vạn vật, nhưng làm cho vật nào thành ra vật ấy và tồn tại được trong vũ trụ là do Đức. Nếu Đạo là cái tĩnh vô hình, thì Đức là cái động hữu hình của Đạo. Nếu Đạo là bản chất của vũ trụ, thì Đức là sự cấu tạo và tồn tại của vũ trụ. Sự sinh hóa từ Đạo ra Đức, từ Đức trở về Đạo của Lão Tử thấm nhuần sâu sắc tinh thần biện chứng âm dương của triết lí nông nghiệp, được chi phối bởi quân bình âm dương, vạn vật tồn tại theo lẽ tự nhiên một cách hợp lí...” (Tran, 2012, p.272).

Tính chất mâu thuẫn trong sự quân bình âm dương, sự thống nhất chặt chẽ giữa Đạo và Đức của Đạo giáo lại mang tính chất “xuất thế”, “vô vi” làm cho các đại biểu của trường phái Nho gia “nhập thế”, “hữu vi” vô cùng thích thú và thấy có sự đồng điệu. Bởi vậy, ở triều đại nhà Lý tuy tôn đạo Phật làm quốc giáo, dùng Nho giáo để tổ chức và quản lí xã hội, nhưng vẫn sử dụng Đạo với vai trò cân bằng sinh thái trong quan hệ con người với tự nhiên, trong hình thức “Tam giáo đồng nguyên”. Theo Từ Khôi:

Tam giáo đồng nguyên tức là ba loại tôn giáo cùng một gốc. Mà gốc là gì? Là nhân bản, lấy còn người làm chính. Nhà vua trực tiếp nhiếp thống cả tam giáo. Phương châm là lấy Nho giáo để tổ chức bộ máy, giữ gìn kỉ cương. Tâm linh dựa vào Phật. Tức là hướng con người biết thiện, ác, chính, tà. Biết hướng tới cái cao đẹp. Còn thiên nhiên Đạo là hướng con người tới sự bình đẳng trước tạo hóa. Nhà Lý đưa ra luật mùa xuân không được chặt cây non, mùa thu động không được đi săn. Mùa cá đẻ không được đi bắt. Nếu ai vi phạm thì phạt...”

(Tu Khoi, 2021)

Trong tác phẩm, nhà văn đã tìm ra hình thức đồng nguyên giữa ba học thuyết này ở những chi tiết sinh động, hấp dẫn. Cụ thể, mặc dù là một đại sư, nhưng khi giúp vua Lý Thái Tổ xây dựng cơ nghiệp đế vương, thiền sư Vạn Hạnh đã áp dụng sâu sắc triết lí quân bình của Đạo trong sự cân bằng âm dương. Đầu tiên là việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, bởi ông nhận thấy Thăng Long là nơi:

Thế đất rộng cuộn hồ ngòi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời (Hoang, 2010a, p.136).

Đây là sự kiện quan trọng trong lịch sử dân tộc. Bởi từ đây các đời vua Lý, Trần, Hậu Lê đều lấy Thăng Long làm kinh đô phát triển đất nước phồn thịnh, lâu dài. Tiếp đó, trong việc xây dựng các cung điện là nơi coi châu và nơi làm việc của triều đình, đều được lựa chọn kĩ lưỡng vị trí, hướng đặt, kết hợp của “thái cực”, “lưỡng nghi”, của “âm dương ngũ hành”. Hãy nghe lời bàn của đạo sĩ Huyền Linh và thiền sư Đạo Hạnh:

Hòa thượng cứ nhìn cái đường bao quanh hoàng thành này sẽ thấy toàn bộ cung điện trở nên hình Thái cực. Ông phẩy nhẹ tay ra xa, chỉ về phía hồ Dâm Đàm nói tiếp: - Cái hồ sương mù kia là điểm tụ thủy, nằm bên cạnh con sông Nhĩ Hà kia là điểm lưu thủy, tức là lưỡng nghi. Trong đó, cái hồ là tượng âm, dòng sông là tượng dương. Giỏi! Cực giỏi! Ai sắp xếp việc xây cái thành đô này, phải xem là bậc thầy về phong thủy (Hoang, 2010b, p.152).

Trong tác phẩm, thiên nhiên “Đạo” được dẫn dắt qua những trang viết tuyệt đẹp về cảnh thiên nhiên hùng tráng, diễm lệ, trong đó là cái nhìn nhân văn của các vị đế vương trong việc giữ gìn, bảo tồn vẻ đẹp vốn có của thiên nhiên. Đó là trang viết cảm động về cuộc gặp gỡ của thái tử Lý Phật Mã với Định Hương trưởng lão tại Cảm Ứng tự (chùa Núi). Trong không khí cởi mở, thâm tình, trưởng lão qua câu chuyện mà dẫn dắt thái tử Lý Phật Mã về thái độ ứng xử với thiên nhiên tươi đẹp và phong thái của bậc đế vương:

Thái tử chưa hiểu ý của lão tử đó thôi. Lão tử chỉ muốn loài người thuận theo tự nhiên để mà sống. Ví như nhìn vào một rừng cây, ta thấy có cây to, cây nhỏ, cây cao, cây thấp, cây cứng cây mềm. Ngạo nghễ như cây tùng, cây bách sống trên đỉnh núi cheo leo bất chấp nóng lạnh tuyết sương bão gió. Vươn thẳng trên trời cao chót vót như cây sến, cây chò. Cứng hơn sắt đá như cây đinh, cây lim. Mềm mại, lá lướt như cây sắn, cây bìm bịp dựa vào thân cây khác mà sống. Thấp bé tí tẹo như loài nấm, loài táo. Tất cả đều sống yên ổn. Cây to không nuốt cây nhỏ, cây cứng không diệt cây mềm. Tất cả đều nhận phần ăn trong đất, phần thở trong ánh sáng và khí trời. Trật tự tạo hóa

đã bày xếp như thế, nó an hòa biết bao. Nếu loài người mà thuận theo trật tự ấy thì ắt công bằng, ắt bình yên... (Hoang, 2010d, p.394).

Việc ứng dụng khéo léo, phù hợp những mặt tích cực của ba luồng tư tưởng Nho – Phật – Đạo trong hình thức *Tam giáo đồng nguyên* đã giúp nhà Lý trở thành một trong những triều đại huy hoàng bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

3. Kết luận

Đọc tiểu thuyết lịch sử *Tám triều vua Lý*, người đọc tưởng như chính tác giả đã sống ở thời ấy, là nhân chứng của những sự kiện lịch sử ấy. Đây chính là khả năng tái hiện lịch sử tài tình của nhà văn bậc thầy Hoàng Quốc Hải. Những con chữ trong tiểu thuyết lịch sử của ông không chỉ có nhiệm vụ phục dựng hình ảnh, không khí, sự kiện của quá khứ mà còn mang một sứ mạng quan trọng hơn, đó là tôn vinh những tinh hoa của người Việt ta từ bao đời nay. Tinh hoa đó là truyền thống văn hóa, các dòng tư tưởng đạo đức Nho - Phật - Đạo có ảnh hưởng rất lớn trong sự hình thành cấu trúc tư tưởng của văn hóa Đại Việt, là lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, ý chí quật cường trong dựng nước và giữ nước được thể hiện qua những việc làm thiết thực của các vị đế vương. Ngày nay, thế hệ trẻ chỉ được tiếp xúc với lịch sử qua những trang sử kí ít ỏi vì những chứng tích lịch sử hầu như đã bị tàn hủy do các cuộc chiến tranh. Đặc biệt, cuộc xâm lược của nhà Minh đã tàn phá mọi bằng chứng lịch sử hào hùng của triều đại Lý Trần. Những trang viết của Hoàng Quốc Hải thật quý báu, đã mang đến những bài học lịch sử cho hiện tại, thức dậy mạnh mẽ hồn thiêng sông núi, khí phách cùng niềm tự hào dân tộc.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TƯ LIỆU KHẢO SÁT

- Hoang, Q. H. (2010a). *Thiên sư dựng nước [Zen master builds a Country]*. Women Publishing House.
- Hoang, Q. H. (2010b). *Con ngựa nhà Phật [Buddha's horse]*. Women Publishers.
- Hoang, Q. H. (2010c). *Bình Bắc đẹp Nam [Pacify the North, pacify the south]*. Women Publishing House.
- Hoang, Q. H. (2010d). *Con đường dinh mệnh [The path of destiny]*. Women Publishing House.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Le, T. K. O. (2023). Nghệ thuật tái hiện lịch sử trong tác phẩm *Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải [The art of re-creating history in *Tám triều vua Lý* by Hoàng Quốc Hải]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(7), 1258-1267. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.7.3794\(2023\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.7.3794(2023))
- Tran, N. T. (2012). *Cơ sở văn hóa Việt Nam [Vietnamese Cultural Establishment]*. Education Publishing House.

Tran, V. G. (1998). *Nho giao o Viet Nam – Phan II: Noi dung co ban nhat cua Nho giao qua lich su cua no* [Confucianism in Vietnam – Part II: The Most Basic Content of Confucianism through Its History]. Ho Chi Minh City Publishing House.

Tu Khoi (2021, January 6). Nha van Hoang Quoc Hai: lich su am ap nhung bai hoc [Writer Hoang Quoc Hai: History is full of lessons]. Dai Doan Ket online newspaper. <https://daidoanket.vn/nha-van-hoang-quoc-hai-lich-su-am-ap-nhung-bai-hoc-10176617.html>

**TAOISM – BUDDHISM – CONFUCIANISM IN THE HISTORICAL NOVEL,
EIGHT DYNASTIES OF LY KING BY HOANG QUOC HAI**

Le Thi Kim Oanh

Industrial University of Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Le Thi Kim Oanh – Email: lethikimoanh@iuh.edu.vn

Received: January 21, 2024; Revised: February 21, 2024; Accepted: February 22, 2024

ABSTRACT

This article discusses the ideas of Confucianism – Buddhism – Taoism in the historical novel Eight Dynasties of King Ly by Hoang Quoc Hai. The author described in detail and vividly the role of three morality streams that had strong influence in the formation of the ideological structure of Dai Viet culture, they are Taoism – Buddhism – Confucianism. The Ly Dynasty found the most optimal characteristics of the morality streams as the basic orientation for building and developing the society, which are Confucian society – Buddhist spirituality – Taoist nature. Confucianism contributes to organizing an orderly and strictly disciplined society. Buddhism adjusts humans to become peaceful, kind and give up rapacity, selfishness, and stubborn hatred, to move towards enlightenment. Taoism orients humans to survive according to nature. Through the literary work, readers not only see the writer's contributions to the development of Vietnamese culture but also have theoretical significance for preserving the values of traditional spiritual culture.

Keywords: Buddhism; Confucianism; Eight Dynasties of Ly King; Hoang Quoc Hai; Taoism